

Using Objects and Methods

AP Computer Science A · Vocabulary

English	中文	Pinyin
 algorithm	算法	suàn fǎ
 program	程序	chéng xù
 compiled	编译	biān yì
 compiler	编译器	biān yì qì
 syntax error	语法错误	yǔ fǎ cuò wù
 logic error	逻辑错误	luó jí cuò wù
 variable	变量	biàn liàng
 type	类型	lèi xíng
 primitive types	基本类型	jī běn lèi xíng
 expression	表达式	biǎo dá shì
 modulus	取模	qǔ mó
 assignment	赋值	fù zhí
 Casting	类型转换	lèi xíng zhuǎn huàn
 Interface	应用程序接口	yìng yòng chéng xù jiē kǒu
 library	库	kù
 abstraction	抽象	chōu xiàng
 Comments	注释	zhù shì
 method signature	方法签名	fāng fǎ qiān míng
 arguments	实参	shí cān
 class (static) method	类方法	lèi fāng fǎ
 class	类	lèi
 object	对象	duì xiàng
 instance	实例	shí lì
 object-oriented programming	面向对象编程	miàn xiàng duì xiàng biān chéng
 Instantiation	实例化	shí lì huà
 constructor	构造函数	gòu zào hán shù
 reference	引用	yǐn yòng
 instance method	实例方法	shí lì fāng fǎ
 immutable	不可变	bù kě biàn